BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: VND

	TÀI SẢN	Mã số	31/03/2010	01/01/2010
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**	**395.839.423.388**	**341.632.940.979**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**10.709.864.554**	**5.433.848.068**
1	Tiền mặt	111	4.118.713.971	1.039.425.204
2	Tiền gửi ngân hàng	112	6.591.150.583	4.394.422.864
II.	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**	**972.000.000**	**567.000.000**
1	Đầu tư ngắn hạn	121	972.000.000	567.000.000
III.	**Các khoản phải thu**	**130**	**247.706.161.931**	**214.450.965.933**
1	Phải thu của khách hàng	131	190.370.110.105	195.362.720.322
2	Trả trước cho người bán	132	21.768.553.741	19.928.466.029
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	35.954.100.454	
5	Các khoản phải thu khác	135	1.405.664.236	952.046.187
6	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	(1.792.266.605)	(1.792.266.605)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**129.043.194.616**	**117.964.375.418**
1	Hàng tồn kho	141	129.043.194.616	117.964.375.418
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-	-
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**	**7.408.202.287**	**3.216.751.560**
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	1.884.436.498	912.747.483
5	Tài sản ngắn hạn khác	158	5.523.765.789	2.304.004.077
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**	**65.493.145.124**	**64.519.024.042**
II.	**Tài sản cố định**	**220**	**62.231.424.076**	**59.686.632.638**
1	Tài sản cố định hữu hình	221	44.368.030.564	43.011.342.405
-	Nguyên giá	222	110.366.089.068	107.005.421.817
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223	(65.998.058.504)	(63.994.079.412)
3	Tài sản cố định vô hình	227	15.322.132.165	15.322.132.165
-	Nguyên giá	228	15.322.132.165	15.322.132.165
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229	-	-
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	2.541.261.347	1.353.158.068
IV.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	**2.250.000.000**	**2.250.000.000**
1	Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	-	-
3	Đầu tư dài hạn khác	258	2.250.000.000	2.250.000.000
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**	**1.011.721.048**	**1.206.198.255**
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	871.944.970	1.037.533.963
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	84.198.128	117.016.342
3	Tài sản dài hạn khác	268	55.577.950	51.647.950
VI.	**Lợi thế thương mại**	**269**	**1.330.320.044**	**1.376.193.149**
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**	**462.662.888.556**	**406.151.965.021**

	NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**	**188.956.991.107**	**147.197.223.685**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**	**185.261.980.699**	**143.489.402.277**
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	65.439.021.283	57.641.177.489
2	Phải trả cho người bán	312	65.358.070.351	26.986.122.350
3	Người mua trả tiền trước	313	683.060.038	601.842.491
4	Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	6.831.446.458	15.885.064.778
5	Phải trả người lao động	315	14.724.102.096	11.198.182.269
6	Chi phí phải trả	316	4.938.176.180	1.502.795.766
9	Các khoản phải trả phải nộp khác	319	23.118.214.818	24.550.900.295
11	Qũy khen thưởng, phúc lợi	323	4.169.889.475	5.123.316.839
II.	**Nợ dài hạn**	**330**	**3.695.010.408**	**3.707.821.408**
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	3.695.010.408	3.707.821.408
B.	**NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**	**273.705.897.449**	**258.954.741.336**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**273.664.043.109**	**259.176.886.996**
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	101.981.500.000	101.981.500.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	92.063.700.000	92.063.700.000
3	Cổ phiếu quỹ	414	(2.037.000)	(2.520.000)
6	Chênh lệch tỉ giá hối đoái	416	-	(407.499.441)
7	Quỹ đầu tư phát triển	417	54.902.712.999	54.907.930.557
8	Quỹ dự phòng tài chính	418	11.207.749.132	11.202.531.576
10	Lợi nhuận chưa phân phối	420	13.510.417.978	(568.755.696)
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**	**41.854.340**	**(222.145.660)**
2	Nguồn kinh phí	432	41.854.340	(222.145.660)
C.	**Lợi ích của cổ đông thiểu số**	**439**		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**	**462.662.888.556**	**406.151.965.021**
			-	-

	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁ	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	Tài sản thuê ngoài			
2	Vật tư, hàng hóa giữ hộ, nhận gia công			
3	Hàng hóa nhận bán hộ, ký gửi			
4	Nợ khó đòi đã xử lý			
5	Ngoại tệ các loại			3.139,29
6	Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Hà nội, ngày 10 tháng 05 năm 2010

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Nguyễn Thị Ngọc Thúy	*Đinh Trung Kiên*	*Vũ Thị Thuận*